TRƯỜNG THPT CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI

Đề thi có 03 trang

ĐỀ KIỂM TRA 45 phút
Môn: Địa lí 12

Mã đề:140

Họ và tên:……**Lớp 12A**…..

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1 : Dựa vào Atlat trang 14, hãy cho biết cao nguyên nào có độ cao trung bình lớn nhất Tây Nguyên?

A. Bảo Lộc. **B.** Mơ Nông. **C.** Lâm viên. **D.** Đắc Lắk

Câu 2 : Đảo nào sau đây *<u>không nằm</u>* trong vịnh Bắc Bộ của nước ta?

A. Đảo Cái Bầu. **B.** Đảo Cát Bà. **C.** Đảo Lí Sơn. **D.** Đảo Vĩnh Thực.

Câu 3 : Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên:

A. Có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt: Bắc-Nam, Đông –Tây, theo độ cao, theo mùa.
B. Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô và mùa hạ nóng, mưa nhiều.
C. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá: cả loài nhiệt đới và loài cận nhiệt đới.
D. Nền nhiệt độ cao, các cân bức xạ quanh năm dương, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 4 : Căn cứ vào bản đồ Lượng mưa ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, khu vực có khí hậu khô hạn nhất ở nước ta là

A. ven biển cực Nam Trung Bộ. **B.** Tây Bắc.
C. ven biển Bắc Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

Câu 5 : Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng là

A. cao nguyên. **B.** bán bình nguyên. **C.** sơn nguyên. **D.** núi thấp.

Câu 6 : Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

A. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn. **B.** Chủ yếu có địa hình thấp.
C. Nằm gần xích đạo. **D.** Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc

Câu 7 : Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ rõ rệt địa hình núi Việt Nam đa dạng?

A. Bên cạnh núi, miền núi còn có đồi.
B. Miền núi có các cao nguyên badan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, ở miền núi có nhiều núi thấp.
D. Miền núi có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên...

Câu 8 : Vị trí địa lí đã làm cho tài nguyên sinh vật nước ta

A. mang tính chất cận nhiệt và ôn đới. **B.** phân hóa sâu sắc theo độ cao.
C. suy giảm nhanh chóng. **D.** đa dạng và phong phú.

Câu 9 : ***Cho bảng số liệu:***NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	**Nhiệt độ trung bình tháng 1 (ºC)**	**Nhiệt độ trung bình tháng 7 (ºC)**	**Nhiệt độ trung bình năm(ºC)**
Lạng Sơn	13.3	27.0	21.2
Hà Nội	16.4	28.9	23.5
Vinh	17.6	29.6	23.9
Huế	19.7	29.4	25.1
Quy Nhơn	23.0	29.7	26.8
TP. Hồ Chí Minh	25.8	27.1	27.1

Nhận xét nào sau đây **<u>không đúng</u>** với bảng số liệu trên về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam?

A. Nhiệt độ trung bình tháng VII có sự thay đổi đáng kể từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
C. Từ Vinh vào Quy Nhơn nhiệt độ có cao hơn một chút do ảnh hưởng của gió Lào.
D. Biên độ nhiệt độ giảm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 10 : Ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta nằm trọn trong một múi giờ (múi giờ số 7)

A. thống nhất quản lí trong cả nước về thời gian sinh hoạt và các hoạt động khác.
B. thuận lợi cho việc tính giờ của các địa phương.

C. phân biệt múi giờ với các nước láng giềng.
D. tính toán dễ dàng đối với giờ quốc tế.

Câu 11: Cho biểu đồ

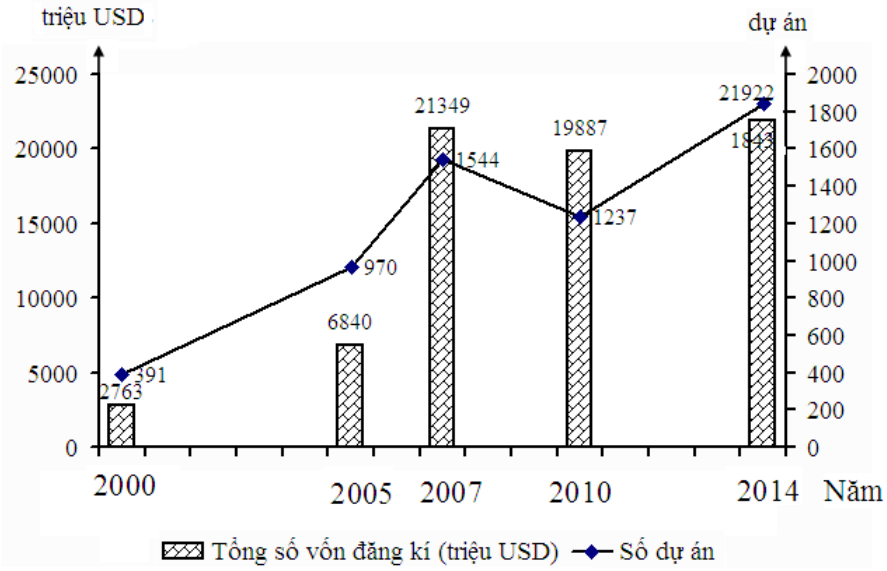

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP THỜI KÌ 2000 - 2014

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Tổng số vốn đăng kí và số dự án tăng ổn định.
B. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tăng không ổn định.
C. Tổng số vốn đăng kí tăng chậm hơn số dự án.
D. Quy mô của các dự án giảm mạnh đến năm 2010, sau đó lại tăng.

Câu 12 : Đồng bằng hẹp ngang và bị chia cắt ở miền Trung là do

A. đồi núi ăn lan sát ra biển. **B.** nhiều đồi núi cao.
C. nhiều sông suối đổ ra biển. **D.** đồi núi ở xa trong đất liền.

Câu 13 : Ranh giới vùng lãnh hải nước ta được xác định

A. từ vùng tiếp giáp lãnh hải mở rộng ra phía biển 12 hải lý.
B. từ đường cơ sở mở rộng ra phía biển 12 hải lý.
C. từ đường bờ biển mở rộng ra phía biển 12 hải lý.
D. từ ranh giới phía ngoài lãnh hải đến bờ biển rộng 12 hải lý.

Câu 14 : Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

A. . Bắc Trung Bộ. **B.** Nam Trung Bộ. **C.** Nam Bộ. **D.** Đông Bắc Bộ.

Câu 15 : Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố tiếp giáp với biển?

A. 30. **B.** 27.
C. 29. **D.** 28.

Câu 16 : Đặc điểm nổi bật của vùng đồi núi Trường Sơn Bắc là

A. gồm các khối núi và các cao nguyên với các độ cao khác nhau.
B. có các cánh cung lớn mở rộng ra về phía bắc và đông.
C. địa hình cao nhất nước ta, hướng Tây Bắc – Đông Nam.
D. các dãy núi song song và so le theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 17 : Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí nước ta là

A. tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển vời các nước.
B. Quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên TG, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
D. có vị trí địa lí đặc biệt qun trọng ở vùng Đông Nam Á, khu vực kinh tế rất năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị thế giới.

Câu 18: Dựa vào Atlat trang4-5, chỉ ra các tỉnh có ngã 3 biên giới (giữa nước ta và 2 nước bạn):

A. Lai Châu và Gia Lai. **B.** Điện Biên và Kon Tum.
C. Điện Biên và Gia Lai. **D.** Lai Châu và Kon Tum

Câu 19: Hệ sinh thái nào sau đây là đặc trưng của vùng ven biển?

A. Rừng ngập mặn. **B.** Rừng kín thường xanh
C. Rừng cận xích đạo gió mùa. **D.** Rừng thưa nhiệt đới khô

Câu 20. Cho biểu đồ

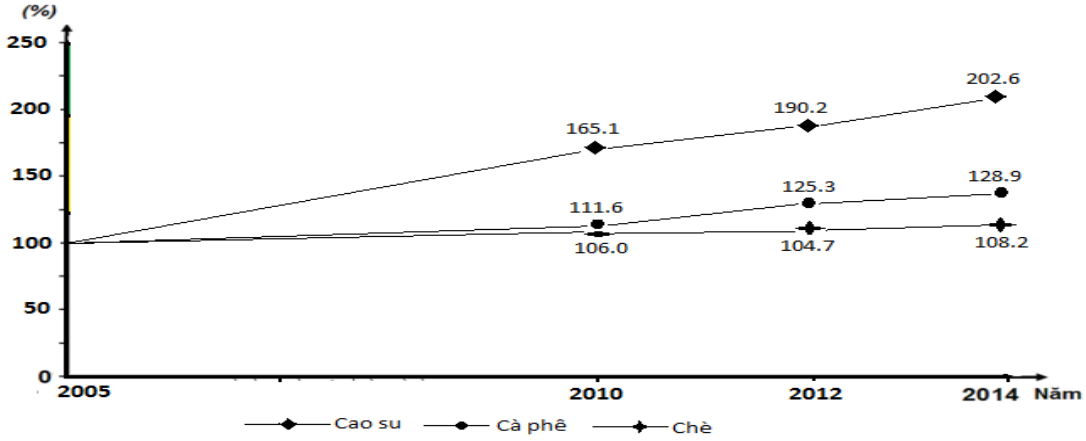

Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Diện tích gieo trồng cây cà phê, chè và cao su tăng như nhau.
B. Cây chè có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và ổn định.
C. Diện tích gieo trồng cây cà phê, chè và cao su đều tăng.
D. Cây cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn cây cao su.

I. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1 : (2,0 điểm)

Hãy nêu những thế mạnh và hạn chế của khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tê-xã hội nước ta.

Câu 2 : (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH , SẢN LƯỢNG LÚA GIAI ĐOẠN 1990 – 2015

Năm	1990	1999	2003	2005	2015
Diện tích (triệu ha)	6,0	7,6	7,4	7,3	7,7
Sản lượng (triệu tấn)	19,2	31,4	34,5	35,8	45,2

1. Vẽ biểu đồ kết hợp (cột-đường) thể hiện diện tích và sản lượng lúa qua các năm.
2. Nhận xét về diện tích và sản lượng lúa qua các năm.

……..Hết ……..

(Học sinh được sử dụng Atlat do NXB Giáo dục phát hành)